

TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂY SƠN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC: 2026-2027

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên Trường:** TRƯỜNG THCS VÀ THPT TÂY SƠN
2. **Địa chỉ:** số 01, đường Nhà chung, phường 3, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
Điện thoại 02633 821929 Email: c23tayson.lamdong@gmail.vn
Website: <http://taysondalat.edu.vn>
3. **Loại hình trường:** Trường công lập trực thuộc sở GDĐT Lâm Đồng.
4. **Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của Trường:**

1.Sứ mệnh:

Xây dựng nhà trường THCS và THPT Tây Sơn thành môi trường học tập thân thiện, tích cực, nền nếp, kỷ cương, chất lượng và nhân văn; đội ngũ tận tâm, tích cực, sáng tạo; làm cho nhà trường trở thành ngôi trường mà học sinh thích học, muốn học, mỗi học sinh đều có cơ hội nhận biết và phát triển năng lực của mình, với văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc; với cách giao tiếp, truyền đạt mới mẻ là nền tảng cơ bản cho sự nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Tầm nhìn:

Đến năm 2030, trường trở thành trường có chất lượng giáo dục đứng trong 15 trường top đầu của tỉnh Lâm đồng; đạt chuẩn kiểm định mức độ 2. Phấn đấu đến năm 2035, Trường trở thành một ngôi trường THPT có chất lượng cao, đào tạo ra những con người mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên cao; là nơi học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi giáo viên, học sinh luôn có khát vọng vươn tới những thành tích xuất sắc, thành công và hạnh phúc.

3.Mục tiêu chung.

- Xây dựng đội ngũ vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất cao trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, chủ động, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

- Nâng cao chất lượng học tập và hiệu quả học tập của học sinh trên các mặt “Đức – Trí – Thể – Mỹ”; giáo dục học sinh các phẩm chất: trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, nhạy bén thích nghi với thời đại; biết tôn trọng, lắng nghe, bày tỏ chính kiến của mình; biết cảm nhận cái đẹp và các giá trị đích thực của cuộc sống; hình thành và phát huy các năng lực bản thân.

- Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường THCS và THPT tiên tiến, hiện đại, thúc đẩy địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

4. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.

4.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- 100% cán bộ giáo viên, công nhân viên đạt chuẩn về trình độ, 25% trên chuẩn. 100% Cán bộ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại Khá trở lên trong đó có 20% đạt loại tốt;

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực tiễn, sử dụng có hiệu quả trong công việc.

- 100% cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn.

- 100% giáo viên tin học có chứng chỉ MOS và 27% giáo viên được tập huấn và AI.

4.2. Học sinh

- Qui mô: Trường phổ thông hạng 1, đạt Chuẩn kiểm định cấp độ 2.

- Chất lượng học tập:

+ Trên 70% học lực khá, giỏi ;

+ Tỷ lệ học sinh có học lực chưa đạt dưới 3%;

+ Học sinh khối 12 vào học Đại học, Cao đẳng và Trung cấp nghề: 90% ;

+ Học sinh giỏi cấp Tỉnh trở lên: Tất cả các môn có tổ chức thi đều có học sinh giỏi cấp tỉnh. Đến năm 2027 có học sinh tham gia thi HSG quốc gia. Năm 2030 có học sinh giỏi quốc gia.

- Chất lượng hạnh kiểm: trên 97% hạnh kiểm khá, tốt

- Tỷ lệ học sinh bỏ học: dưới 1%

4.3. Cơ sở vật chất

- Đủ số phòng học cho dạy 2 buổi/ngày ở tất cả các lớp. Các phòng được trang bị CSVC phục vụ giảng dạy hiện đại;

- Đầy đủ các phòng bộ môn, phòng chức năng và được trang bị hiện đại.

- Trường thực sự "Sáng-Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn" .

- Xây dựng thư viện đạt chuẩn loại Khá;

- Mỗi CB-GV-CNV và học sinh có ý thức bảo quản, tu bổ và xây dựng nhà trường.

- Khai thác có hiệu quả Website của nhà trường trong công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, thương hiệu nhà trường.

Các mục tiêu	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
- Giáo viên đạt chuẩn về trình độ.	98%	99%	99%	99%	99%
- Giáo viên đạt trình độ trên chuẩn	19%	20%	22%	22%	23%
- Cán bộ quản lý đạt trình độ trên chuẩn	75%	100%	100%	100%	100%

- Rèn luyện HS loại Khá trở lên	97%	98%	98%	98%	98%
- Học lực HS từ Khá trở lên	67%	68%	70%	71%	71%
- Học sinh giỏi cấp thành phố	18	20			
- Học sinh giỏi cấp Tỉnh	12	14	6	13	14
- Mỗi tổ có phòng học bộ môn	20%	50%	50%	50%	50%
- Thư viện điện tử đạt chuẩn	Khá	Khá	Tốt	Tốt	Tốt
- Huy động nguồn xã hội hóa (triệu đồng)	100	120	150	150	150
- Trường đạt chuẩn quốc gia (mức độ)			1	1	1
- Trường đạt chuẩn kiểm định (cấp độ)	2	2	2	2	2

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS&THPT Bán công Tây Sơn được thành lập theo quyết định số 1121/QĐ ngày 2/8/1993 của UBND tỉnh Lâm Đồng và khai giảng năm học đầu tiên ngày 5/9/1993. Trường được thành lập từ cơ sở ban đầu được tiếp thu là trường tiểu học Tây Sơn (trường Xuân An cũ), một ngôi trường cấp 1 đã xuống cấp với hai dãy nhà trệt có 12 phòng, sân bãi sinh lầy nằm trên con hẻm thuộc đường Nhà Chung phường 3, thành phố Đà Lạt.

Năm học đầu tiên 1993 – 1994 nhà trường có 883 học sinh gồm 15 lớp cấp 2 là hệ B của trường Quang Trung và 5 lớp cấp 3 là học sinh hệ phổ thông của trường Kỹ thuật Lâm Đồng, cùng một số học sinh mới tuyển là những em không đủ điểm chuẩn vào hệ quốc lập. Đội ngũ giáo viên của trường gồm 15 giáo viên cấp 2 được tách từ hội đồng giáo dục trường THCS Quang Trung và 8 giáo viên cấp 3 là giáo viên của trường Kỹ thuật Lâm Đồng – Đà Lạt.

*1993 – 1997: Cô Trần Thị Ngọc làm Hiệu trưởng, trường thực hiện công tác giáo dục với mô hình trường bán công.

*1997 – 2002: Cô Đỗ Thị Khuê làm Hiệu trưởng, trường thực hiện công tác giáo dục với mô hình trường bán công.

*2002 – 10/2010: Thầy Võ Thanh Hùng làm Hiệu trưởng, trường thực hiện công tác giáo dục với mô hình trường bán công và mô hình trường công lập tự chủ (2/2008).

Tháng 02/2008, theo Quyết định số 534/QĐ – UBND ngày 27/02/2008 của UBND Tỉnh Lâm Đồng, đã chuyển đổi trường THPT Bán công Tây Sơn – Đà Lạt thành Trường THCS và THPT Tây Sơn – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (công lập tự chủ).

*11/2010 – 7/2012: Thầy Phạm Lưu làm Hiệu trưởng, đã mất; trường thực hiện công tác giáo dục với mô hình trường bán công.

*8/2012 – 9/2023: Thầy Nguyễn Văn Trai làm Hiệu trưởng, trường thực hiện công tác giáo dục với mô hình trường công lập.

*10/2023 – nay: Thầy Đỗ Xuân Hùng làm Hiệu trưởng, trường thực hiện công tác giáo dục với mô hình trường công lập.

Đầu năm 2012, UBND Tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định số 104/QĐ – UBND, ngày 16/01/2012 về việc chuyển trường THCS và THPT Tây Sơn, Đà Lạt sang loại hình trường công lập.

Năm 2025, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và sát nhập Tỉnh, UBND Tỉnh Lâm Đồng mới đã có Quyết định số 323/QĐ–UBND, ngày 09/7/2025 về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Lâm Đồng, Trường có tên là trường THCS và THPT Tây Sơn, loại hình trường công lập.

Trong những năm qua quy mô trường lớp, chất lượng giáo dục và CSVC của nhà trường từng bước ổn định và phát triển; bình quân từ 50 đến 56 lớp hàng năm, với sĩ số HS từ 2100 đến 2400 học sinh.

Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia (mức độ 1) theo Quyết định 850 ngày 25/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

* Năm học 2026 – 2027 trường THCS&THPT Tây Sơn có 54 lớp với hơn 2500 HS, trong đó có 31 lớp THCS với 1373 HS, 24 lớp THPT với 1072 HS.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: ĐỖ XUÂN HÙNG

Chức vụ: Bí thư Đảng bộ-Hiệu trưởng

Nơi làm việc: Trường THCS&THPT Tây Sơn-Đà Lạt

Số điện thoại: 0984669332

Email: doxuanhungdl@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Các quyết định:

- Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 02/8/1993 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập Trường THCS&THPT Bán công Tây Sơn.

- Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 27/02/2008 của UBND Tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi trường THPT Bán công Tây Sơn – Đà Lạt thành Trường THCS và THPT Tây Sơn – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (hệ công lập tự chủ).

- Quyết định số 104/QĐ-UBND, ngày 16/01/2012 về việc chuyển trường THCS và THPT Tây Sơn, Đà Lạt sang loại hình trường công lập.

- Quyết định số 965/QĐ-SGDĐT, ngày 10/12/2020 về việc công nhận Hội đồng trường Trường THCS&THPT Tây Sơn, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 715/QĐ-SGDĐT, ngày 05/09/2023 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ đối với viên chức. Điều ông Đỗ Xuân Hùng về làm Hiệu trưởng trường THCS&THPT Tây Sơn từ ngày 02/10/2023.

- Quyết định số 93/QĐ-SGDĐT, ngày 02/02/2024 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ đối với viên chức. Điều bà Phạm Thị Quỳnh Hoa về làm Phó Hiệu trưởng trường THCS&THPT Tây Sơn.

- Quyết định số 162/QĐ-SGDĐT, ngày 05/03/2024 về việc bổ nhiệm lại chức vụ đối với viên chức. Bổ nhiệm lại ông Trần Văn Hậu làm Phó Hiệu trưởng trường THCS&THPT Tây Sơn.

- Quyết định số 514/QĐ-SGDĐT, ngày 09/08/2025 về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý. Bổ nhiệm ông Đỗ Xuân Hùng làm Hiệu trưởng trường THCS&THPT Tây Sơn từ ngày 02/10/2023.

- Quyết định số 573/QĐ-SGDĐT, ngày 09/08/2025 về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý. Bổ nhiệm bà Phạm Thị Quỳnh Hoa làm Phó Hiệu trưởng trường THCS&THPT Tây Sơn từ ngày 02/02/2024.

- Quyết định số 566/QĐ-SGDĐT, ngày 09/08/2025 về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý. Bổ nhiệm ông Trần Văn Hậu làm Phó Hiệu trưởng trường THCS&THPT Tây Sơn từ ngày 01/12/2023.

- Quyết định số 565/QĐ-SGDĐT, ngày 09/08/2025 về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý. Bổ nhiệm ông Võ Thế Nguyên làm Phó Hiệu trưởng trường THCS&THPT Tây Sơn từ ngày 21/01/2025.

- Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 quyết định về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở GDĐT Lâm Đồng, trong đó quyết định tên của Trường là trường THCS và THPT Tây Sơn

7.2. Chức năng

Trường THCS&THPT Tây Sơn là cơ sở đào tạo công lập nằm trực thuộc Sở GDĐT Lâm Đồng. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức trung học cơ sở và trung học phổ thông, đảm bảo thực hiện đầy đủ kế hoạch và chương trình giáo dục toàn diện của trường trung học phổ thông có nhiều cấp học.

7.3. Nhiệm vụ và quyền hạn

- Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

- Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo

dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kỹ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

- Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

- Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

- Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

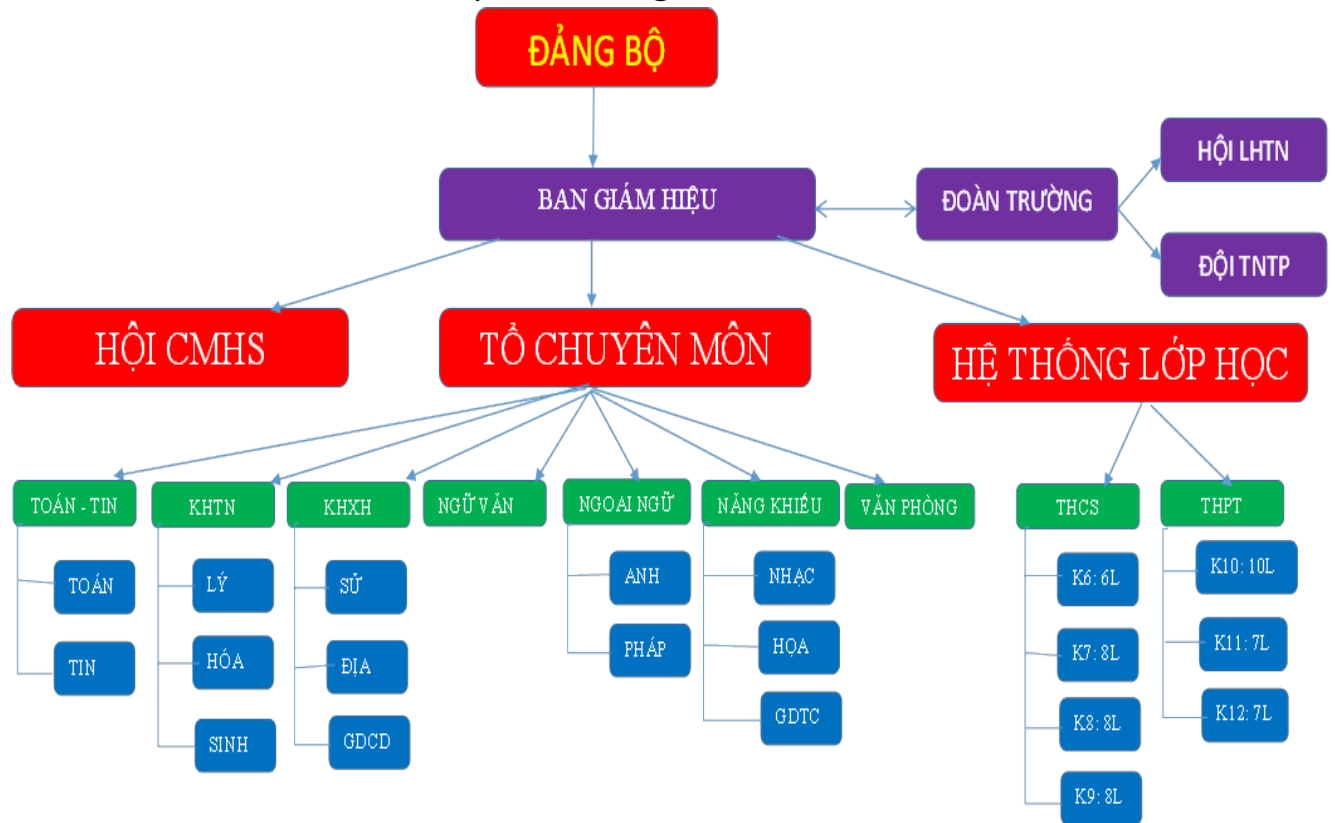
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam

kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật..

7.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường



7.5. Lãnh đạo nhà trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Số ĐT	Email
1	Đỗ Xuân Hùng	HT	Quản lý chung	0984669332	doxuanhungdl@gmail.com
2	Phạm Thị Quỳnh Hoa	PHT	Phụ trách chuyên môn	0987086929	phamthiquynhhoatl@gmail.com
3	Trần Văn Hậu	PHT	Phụ trách CSVC, tuyên truyền	0948627182	tvhau.c3datong@lamdong.edu.vn
4	Võ Thế Nguyên	PHT	Phụ trách công tác phòng trào, chuyên đổi số	0918007884	Nguyenkim114@gmail.com

8. Các văn bản khác

- Kế hoạch số .../KH-TS ngày .../09/2026 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm 2026-2027.

- Quyết định số 33/QĐ-TS ngày 08/9/2026 về phân công nhiệm vụ toàn trường năm học 2026-2027

- Quyết định số 345/QĐ-TS ngày 10/9/2026 về Ban hành quy chế làm việc của trường THCS và THPT Tây Sơn năm học 2026-2027.

- Quyết định số 344/QĐ-TS ngày 10/9/2026 về Ban hành quy chế dân chủ cơ sở của trường THCS và THPT Tây Sơn năm học 2026-2027.

- Quyết định số 343/QĐ-TS ngày 10/9/2026 về Ban hành quy tắc ứng xử của trường THCS và THPT Tây Sơn năm học 2026-2027.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

[illegible]

III	Nhân viên	8											1	1		
1	Nhân viên văn thư	1			1											
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ	kn														
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	1				1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	kn														
7	Nhân viên hỗ trợ gd người huyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin	kn														
9	Phục vụ	2														
10	Bảo vệ	2														

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	35	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	35	0,83 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	06	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,57	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5.468,5 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.000 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	0,83 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	0,83 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	1/7
1.2	Khối lớp 7	1	1/8
1.3	Khối lớp 8	1	1/8
1.4	Khối lớp 9	1	1/8
1.5	Khối lớp 10	1	1/8
1.6	Khối lớp 11	1	1/7

1.7	Khối lớp 12	1	1/9
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	5	5/7
2.2	Khối lớp 7	5	5/8
2.3	Khối lớp 8	5	5/8
2.4	Khối lớp 9	3	3/8
2.5	Khối lớp 10	3	3/8
2.6	Khối lớp 11	3	3/7
2.7	Khối lớp 12	3	3/9
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	96 bộ	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	08 (Thư viện, P GV, hội trường và P Bộ môn)	
2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	13	
5	Thiết bị khác	0	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	35	
2	Cát xét	15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	13	
5	Thiết bị khác	0	

X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
--	----------	----	-------

XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X
Tổng		28	28	12

Kết quả: Đạt mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6	X		

Kết quả: Không đạt mức 4

2. Kết luận: Trường Đạt mức 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp						
			K6	K7	K8	K9	K10	K11	K12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (Hạnh kiểm)	2470	408	342	393	326	309	312	380
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	2110	366	294	354	293	217	239	347
		85.43	89.71	85.96	90.08	89.88	70.23	76.60	91.32
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	318	42	41	38	27	77	63	30
		12.87	10.29	11.99	9.67	8.28	24.92	20.19	7.89
3	Đạt (Trung bình) (tỷ lệ % so với tổng số)	31	0	2	1	2	14	9	3
		1.26	0.00	0.59	0.25	0.61	4.54	2.88	0.79
4	Chưa đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	2	0	2	0	0	0	0	0
		0.1	0.0	0.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập (Học lực)	2470	408	342	393	326	309	312	380

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	809	175	145	189	150	23	37	90
		32.75	42.89	42.40	48.09	46.01	7.44	11.85	23.68
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1158	173	130	140	120	142	213	240
		46.88	42.40	38.01	35.62	36.81	45.95	68.27	63.16
3	Đạt (Trung bình) (tỷ lệ so với tổng số)	467	56	58	58	52	135	58	50
		18.91	13.73	16.96	14.76	15.95	43.69	18.59	13.16
4	Chưa đạt (Yếu) (tỷ lệ so với tổng số)	27	4	6	6	0	8	3	0
		1.09	0.98	1.75	1.53	0.00	2.59	0.96	0.00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2393	340	405	321	280	314	384	349
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2367	336	400	315	280	306	381	349
		98.91	98.82	98.77	98.13	100	97.45	99.22	100
2	Học sinh giỏi và học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	807	174	145	189	150	23	37	89
		33.72	51.18	35.80	58.88	53.57	7.32	9.64	25.50
3	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	26	4	5	6	0	8	3	0
		1.09	1.18	1.23	1.87	0.00	2.55	0.78	0.00
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
5	Chuyển trường đến/đi	67/119	19/36	21/29	4/8	6/13	7/5	9/21	1/7
6	Bị đuổi học	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Bỏ học	20	2	4	6	4	2	1	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	13							
1	Cấp huyện/TP	0							
2	Cấp tỉnh	13							
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0							
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0							
VI	Số học sinh K9 được công nhận tốt nghiệp	326							
VI I	Số học sinh K12 được công nhận tốt nghiệp	378							
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1286	230	177	202	167	169	159	182

		1184	178	165	191	159	140	153	198
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	88	15	10	18	7	13	11	14

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (Từ tháng 1 đến tháng 8/2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2025)
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Từ tháng 1 đến tháng 8/2026)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2025)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	1.730.000.000	1.034.334.160
1	Học phí, lệ phí từ người học (ngân sách cấp bù học phí)	1.572.000.000	676.134.160
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác (Căn tin)	158.000.000	358.200.000
III	Thu khoa học và công nghệ	0	
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	
3	Thu khác	0	
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	1.305.300
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	14.180.147.872	25.429.712.071
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	215.795.918	341.966.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo	0	0
2	Chi cho nghiên cứu	0	0
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0	0

4	Chi phí chung và chi khác	1.039.100.366	1.500.765.758
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	150.000	0
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	0
3	Chi hoạt động khác	0	0
IV	Chi khác	1.510.240.467	813.872.043
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	15.365.655.410	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ GIÁO DỤC KHÁC

1. Cải cách thể chế và thủ tục hành chính:

- Công khai minh bạch: Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai dự toán thu – chi ngân sách nhà nước hằng năm, lịch tiếp công dân và các nội quy liên quan.

- Đơn giản hóa quy trình: Các thủ tục tiếp nhận hồ sơ nhập học, chuyển trường, cung cấp văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ xác nhận cho học sinh được tinh gọn tối đa.

- Thành lập bộ máy ổn định: Trường chuyển đổi linh hoạt mô hình hoạt động sang loại hình công lập, hoàn thiện quy chế làm việc nội bộ dưới sự điều hành của Ban Giám hiệu mới.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Vận hành thư viện số: Nhà trường đã xây dựng và phát triển thành công hệ thống Thư viện số Trường THCS & THPT Tây Sơn kết hợp xã hội hóa, giúp cán bộ, giáo viên và học sinh tra cứu tài liệu học tập, nghiên cứu nhanh chóng trực tuyến.

- Số hóa dữ liệu: Giảm thiểu tối đa hồ sơ giấy thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý điểm, học bạ điện tử, và các cổng thông tin kết nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh.

3. Ứng dụng AI trong hoạt động giảng dạy và học tập

- Cá nhân hóa việc tra cứu tại thư viện số: Hệ thống Thư viện số Trường THCS & THPT Tây Sơn được tích hợp công nghệ AI nhằm tối ưu hóa việc phân tích hành vi học tập. AI tự động nhận diện nhu cầu, lịch sử tìm kiếm để đề xuất tài liệu, sách nói và hệ thống câu hỏi trắc nghiệm tương tác phù hợp cho từng giáo viên và học sinh.

- Đổi mới phương pháp bộ môn (Đặc biệt là Ngoại ngữ): Giáo viên nhà trường ứng dụng các công cụ AI hỗ trợ thiết kế bài giảng tương tác, tạo học liệu số sáng tạo. Điều này thể hiện qua việc tích cực tham gia phong trào phát triển chuyên

môn như Cuộc thi ứng dụng CNTT và AI trong dạy học tiếng Anh do Sở GD&ĐT Lâm Đồng tổ chức.

- Hỗ trợ học sinh nghiên cứu khoa học và STEM: Tổ Khoa học Tự nhiên của trường chú trọng định hướng học sinh sử dụng AI một cách an toàn, có trách nhiệm như một phương tiện đắc lực để hỗ trợ tư duy, tối ưu hóa các mô hình thực nghiệm và lập trình, giúp đạt giải cao tại các kỳ thi Nghiên cứu khoa học kỹ thuật và STEM cấp Tỉnh.

4. Ứng dụng AI trong công tác quản lý và vận hành.

- Quản trị cơ sở dữ liệu thông minh: Tận dụng hạ tầng số để đồng bộ dữ liệu học bạ, điểm số điện tử và hồ sơ công việc. Hệ thống thông minh tự động kiểm tra lỗi logic dữ liệu, dự báo xu hướng học tập và đưa ra cảnh báo sớm về các trường hợp học sinh có kết quả giảm sút để nhà trường kịp thời phối hợp với phụ huynh.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn: Các phần mềm thông minh hỗ trợ Ban giám hiệu giám sát nề nếp trực tuyến, phân bổ nguồn lực, cơ sở vật chất hiệu quả, đáp ứng nhanh tiến độ tự đánh giá kiểm định chất lượng để xây dựng trường chuẩn quốc gia.

5. Công tác thi đua.

Năm học 2025-2026, Trường đã thực hiện tốt công tác thi đua. Kết quả cuối năm trường có 12/112 (10,7%) CSTĐ cơ sở; 98 LĐTT (87,5). 10 cá nhân được Giám đốc Sở tặng giấy khen. Trường được công nhận “tập thể lao động xuất sắc” và được đề nghị nhận cờ thi đua là đơn vị dẫn đầu cum thi đua số 1

Xuân Hương-Đà Lạt, ngày .../9/2026

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Xuân Hùng